

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/KDTM-ST

Ngày: 05-4-2022

*“V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Sử

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Bích
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

*Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân quận
Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.*

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLST-KDTM, ngày 31 tháng 01 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2022/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty A

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông TTN – Giám đốc

Địa chỉ: Số a, phường b, quận z, thành phố A.

- Bị đơn: Công ty B (Tên cũ: Công ty C)

Địa chỉ: Số a, phường b, quận c, thành phố A.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà TMTD

*Địa chỉ: Số *****, phường *****, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.*

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông TTN trình bày:

Ngày 11 tháng 5 năm 2017, giữa nguyên đơn Công ty B (Sau đây gọi tắt là Công ty B) với bị đơn Công ty B (tên cũ là Công ty C) có ký kết hợp đồng mua bán cung ứng hàng hóa cụ thể là sắt thép, vật tư xây dựng. Đơn hàng có giá trị là 89.955.175 đồng, phía bị đơn đã thanh toán 60.000.000 đồng, số tiền còn lại là 29.955.175 đồng chưa thanh toán.

Ngày 06 tháng 10 năm 2017, tại Bảng đối chiếu công nợ với phía bị đơn đã chốt số tiền nợ là 33.607.238 đồng. Từ đó thời điểm đó đến nay, phía bị đơn vẫn không thực hiện việc thanh toán tiền hàng với Công ty B.

Nay phía nguyên đơn yêu cầu buộc phía bị đơn Công ty B (Gọi tắt là Công ty C) phải thanh toán tổng số tiền là 51.755.147 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 33.607.238 đồng, nợ lãi phát sinh tính đến ngày 05/4/2022 là 18.147.909 đồng, với mức lãi suất 1%/tháng, tính đến ngày đưa vụ án ra xét xử là 04 năm 05 tháng 30 ngày.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty C là Bà D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt bị đơn, tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 29/3/2022, Bà D trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì phía bị đơn không có ý kiến, bị đơn đơn cho rằng khoản nợ này thuộc về Công ty C (Sau đây gọi tắt là Công ty KH) trước khi bà tiếp quản lại, mặt khác giữa bà và Công ty KH cụ thể là ông TXM và bà PTN chủ cũ của Công ty KH đã có thỏa thuận đối với các khoản nợ của trước khi bà D tiếp quản nên bà không chịu trách nhiệm. Do đó, bà D không có ý kiến với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, yêu cầu giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn Công ty B phải thanh toán tổng số tiền là 51.755.147 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 33.607.238 đồng, nợ lãi phát sinh tính đến ngày 05/4/2022 là 18.147.909 đồng, với mức lãi suất 1%/tháng (tính đến ngày đưa vụ án ra xét xử là 04 năm 05 tháng 30 ngày).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật đang tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa, đây là tranh chấp giữa pháp nhân có đăng ký kinh doanh với pháp nhân. Nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp mua bán hàng hóa*”. Mục đích của hợp đồng là mua bán hàng hóa, nên ngày 31 tháng 01 năm 2018 Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thụ lý vụ án theo tranh chấp kinh doanh thương mại, tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Bà D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[3] Xét về chứng cứ và nội dung yêu cầu: Trong quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là hợp đồng mua bán hàng hóa số 08/HĐMB.2017 ngày 11/5/2017; Bảng đối chiếu công nợ Công ty KH ngày 06/10/2017, với nội dung tổng số vật tư thép Công ty KH nợ phải trả cho Công ty B là 33.607.238 đồng (*Ba mươi ba triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn hai trăm ba mươi tám đồng*).

Hội đồng xét xử nhận thấy, xét về yêu cầu trả nợ và nợ gốc: Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 08/HĐMB.2017 ngày 11/5/2017, tại điều 5.1 có ghi nhận “Thời gian thanh toán: thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, tối đa không quá (mười) ngày kể từ ngày giao hàng, trừ trường hợp được Bên A đồng ý bằng văn bản”. Tại bảng đối chiếu công nợ của hai bên ngày 06/10/2017 phía bị đơn đã thống nhất số nợ phải thanh toán cho Công ty B là 33.607.238 đồng. Từ đó nhận thấy, yêu cầu khởi kiện của phía nguyên là có cơ sở chấp nhận.

Xét về lãi suất chậm trả: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi phát sinh, lãi chậm thanh toán tính từ ngày 06/10/2017 đến ngày 05/4/2022 với mức lãi suất 1%/tháng (bằng 12%/năm) cụ thể là $33.607.238 \times 1\%/\text{tháng} \times 54 = 18.174.909$ đồng (Mười tám triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm lẻ chín đồng), xét thấy lãi suất yêu cầu của phía nguyên đơn thấp hơn mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường, yêu cầu này là có lợi cho phía bị đơn nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét thấy yêu cầu và lời trình bày của đại diện bị đơn cho rằng đây là món nợ của Công ty C trước đó. Mặt khác bà và người đại diện Công ty trước đó đã có thỏa thuận nợ trước khi tiếp quản Công ty, theo đó bà không chịu trách nhiệm. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty B (tức pháp nhân) trả nợ. Nguyên đơn chứng minh bằng các Biên bản đối chiếu công nợ với Công ty C. Theo đó, Công ty KH thừa nhận nợ như nguyên đơn yêu cầu. Công ty C chuyển đổi mô hình và tên Công ty thành Công ty B nên Công ty B được hưởng các quyền và nghĩa vụ của Công ty KH. Do đó, ý kiến đại diện bị đơn là không có cơ sở.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải nộp 2.587.757 đồng (*Hai triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng*). Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 50; Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[2] *Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A khởi kiện theo hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty B (tên cũ là Công ty C) cụ thể như sau:

- Buộc phía bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 51.755.147 đồng (*Năm mươi một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng*), trong đó nợ gốc là 33.607.238 đồng; nợ lãi phát sinh là 18.147.909 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 05/4/2022.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa trả số tiền trên thì phải trả lãi theo lãi suất quá hạn trung bình liên ba Ngân hàng trên thị trường tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

[3] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*:

- Bị đơn phải chịu 2.587.757 đồng (Hai triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 004803, ngày 16/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (khi án có hiệu lực pháp luật).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* *Nơi nhận*:

- VKSND quận Ninh Kiều;
- CCTHADS quận Ninh Kiều;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Sử